**Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh**

**Trường THPT Trần Văn Giàu**

**Tổ Ngữ Văn**

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN 12 (BAN CƠ BẢN)**

**TUẦN 28 TỪ 9/3 ĐẾN 13/3/2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | **ĐƠN VỊ KIẾN THỨC** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| **TIẾT 1**  **(Lớp tự nhiên và xã hội)** | Văn bản “Nhìn về vốn văn hóa dân tộc”-Trần Đình Hượu | **\* Bố cục** Phần 1: Nêu vấn đề : “Trong lúc...với nó”  → một số nhận xét về vốn văn hóa dân tộc  Phần 2: Trình bày vấn đề : “Giữa các ...văn học”  → Đặc điểm của văn hóa Việt Nam  Phần 3: Kết luận : “Con đường… có bản lĩnh”  → Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam.  **Câu 1 (trang 162 sgk ngữ văn 12 tập 2)**  Tác giả phân tích đặc điểm văn hóa trên cơ sở:    + Tôn giáo: Người Việt không cuồng tín, cực đoan mà dung hòa      + Nước ta có sự giao lưu văn hóa lâu đời, tiếp xúc, tiếp nhận biến đổi giá trị văn hóa của một số nền văn hóa khác trong khu vực và trên thế giới, tiếp thu, chọn lọc      + Nghệ thuật: sáng tạo tác phẩm tinh tế, không mang vẻ vĩ mô, tráng lệ, phi thường      + Âm nhạc, hội họa, kiến trúc đều phát triển đến tuyệt kĩ  - Ứng xử: trọng tình nghĩa, không chú trọng đến trí dũng, không cầu thị, cực đoan, thích an ổn      + Coi trọng đời sống thế tục, không bám lấy hiện thể, hay sợ hãi cái chết      + Không đề cao trí tuệ mà coi trọng khôn khéo, bi thủ thế giữ mình, gỡ được tình thế khó khăn      + Con người ưa chuộng người Việt hiền lành, tình nghĩa      + Giao tiếp ưu chuộng hợp tình hợp lý  + Cách sống người Việt an phận thủ thường      + Quan niệm về cái đẹp: vừa xinh vừa khéo      + Màu sắc ưa chuộng: nhẹ nhàng, thanh nhã  **Câu 2 (trang 162 sgk ngữ văn 12 tập 2)**  Đặc điểm nổi bật của sáng tạo văn hóa Việt Nam tạo ra cuộc sống thiết thực, bình ổn, lành mạnh  - Mang vẻ đẹp dịu dàng, thanh lịch  - Con người hiền hậu, nghĩa tình, có văn hóa nhân bản  Thể hiện qua:      + Công trình kiến trúc chùa Một Cột, lăng tẩm cho vua chúa      + Trọng lời ăn tiếng nói: ca dao, dân ca, tục ngữ đúc kết lối ăn nói khéo léo  **Câu 3 (trang 162 sgk ngữ văn 12 tập 2)**  Hạn chế nền văn hóa truyền thống:  + Thiếu đột phá, tính sáng tạo mang khả năng phi phàm, kì vĩ      + Trí tuệ không được đề cao, không mong cao xa, khác thường, hơn người  - Nguyên nhân: ý thức từ lâu đời về sự nhỏ yếu, thực tế có nhiều khó khăn, bất trắc của dân tộc  **Câu 4 (Trang 162 sgk ngữ văn 12 tập 2)**  Có 3 tôn giáo chính là Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo thấm sâu vào tư tưởng, bản sắc văn hóa dân tộc  Để tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc, người Việt cần xác nhận tư tưởng tôn giáp:      + Phật giáo không được tiếp nhận ở góc độ trí tuệ hay cầu giải thoát      + Nho giáo không được tiếp nhận ở nghi lễ tủn mủn, giáo điều hà khắc  - Người Việt tiếp nhận tôn giáo tạo ra cuộc sống thiết thực, bình ổn, lành mạnh với những vẻ đẹp hài hòa, thanh lịch của những người sống nghĩa tình  **Câu 5 (Trang 162 sgk ngữ văn 12 tập 2)**  Tinh thần chung của văn hóa Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hòa nhằm nói lên tích cực, và hạn chế văn hóa Việt Nam  - Tích cực:      + Tính thiết thực: văn hóa gắn bó với đời sống cộng đồng      + Có nét linh hoạt: thẩm thấu tích cực, cải biến cho phù hợp với đời sống người Việt      + Dung hòa: giá trị nội sinh, ngoại sinh không loại trừ nhau  Hạn chế: Thiếu sức sáng tạo vĩ đại, phi phàm  **Câu 6 (Trang 162 sgk ngữ văn 12 tập 2)**      + Tạo tác: sự sáng tạo của dân tộc      + Đồng hóa: tiếp thu cách chủ động, có sàng lọc, giá trị văn hóa bên ngoài      + Khẳng định của tác giả: có căn cứ, cơ sở      + Dân tộc trải qua thời gian bị đô hộ, đồng hóa, nhiều giá trị văn hóa bị mai một, xóa nhòa  → Không chỉ trông cậy vào sự tạo tác      + Tiếp thu văn hóa từ bên ngoài nhưng không rập khuôn máy móc mà có sự chọn lọc, biến đổi phù hợp  - Trong chữ viết, thơ ca      + Tiếp thu chữ Hán → sáng tạo ra chữ Nôm      + Tiếp thu các thể loại văn học Trung Quốc: thơ thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú → sáng tạo song thất lục bát, biến thể thơ bát cú | HS xem VB ở SGK Ngữ Văn tập 2 |
| **TIẾT 2**  **(Lớp tự nhiên và xã hội)** | Phát biểu tự do | **Câu 1 (trang 163 sgk ngữ văn 12 tập 2)**  Các tình huống được phát biểu tự do:  - Khi được phỏng vấn ngẫu nhiên trên đường phố, siêu thị, trung tâm thương mại…  - Khi trả lời các tiết học nhóm trên lớp  - Khi được bàn bạc, thảo luận kế hoạch đi chơi  - Khi trình bày quan điểm cá nhân trước cha mẹ, thầy cô  **Câu 2 (Trang 163 sgk ngữ văn 12 tập 2)**  Trong quá trình sống, học tập, làm việc con người nhiều say mê (buộc phải tìm hiểu) kiến thức của mỗi người là có giới hạn nên việc chia sẻ và được chia sẻ vẫn thường thấy  - Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội nên phát biểu tự do là như cầu, muốn được nói và được nghe      + Đây cũng là một yêu cầu      + Từ việc phát biểu con người hiểu mình, hiểu đời, hiểu người hơn  **Câu 3 (trang 163 sgk ngữ văn 12 tập 2):** Đáp án đúng: a, b, c, e, g  **Câu 4 (trang 163 sgk ngữ văn 12 tập 2):**  Chủ đề cụ thể: Tình bạn trong thời đại công nghệ số  Lên ý tưởng trình bày các ý:  Công nghệ hiện nay trở nên phổ biến, con người dễ dàng kết nối với nhau nhưng cũng dễ dàng xa nhau, tình bạn cũng vì thế trải qua thử thách  - Tầm quan trọng của tình bạn trong đời sống hiện đại  - Việc con người dễ dàng liên lạc với nhau qua mạng xã hội, việc gặp gỡ sẽ bị hạn chế  - Nhiều yếu tố của cuộc sống ảnh hưởng, chi phối tình bạn  - Con người có nhu cầu trao đổi thông tin, tình cảm, tư tưởng với nhau  - Tình bạn giúp con người mạnh mẽ, có người lắng nghe, chia sẻ  - Tình bạn là thực tế trải nghiệm của đời sống, con người, con người không thể sống thiếu bạn bè  - Cần tạo ra sự kết nối từ thực tế thay vì việc sống trong | HS xem VB ở SGK Ngữ Văn tập 2 |
| **TIẾT 3**  **(Lớp tự nhiên và xã hội)** | Phong cách ngôn ngữ hành chính, VB tổng kết | **I, Văn bản hành chính và ngôn ngữ hành chính** **1. Văn bản hành chính**  - Văn bản 1: nghị định của Chính phủ, gần nghị là các văn bản của các cơ quan nhà nước: thông tư, nghị định, văn bản pháp luật, hiến pháp….  - văn bản 2: giấy chứng nhận một số thủ trưởng cơ quan nhà nước, giấy chứng nhận: giấy khai sinh, văn bằng, chứng chỉ…  - Văn bản 3 đơn một số cơ quan Nhà nước, do Nhà nước quản lí. Gần với các văn bản: bản khai, báo cáo, biên bản…  Điểm giống và khác giữa các văn bản:  - Giống: có tính pháp lí, giải quyết vấn đề mang tính hành chính, công vụ  - Khác: Văn bản thuộc phạm vi, quyền hạn khác nhau, đối tượng khác nhau  **2. Ngôn ngữ hành chính**  - Trình bày: theo mẫu sẵn có có kết cấu nhất định  - Từ ngữ: lớp từ ngữ hành chính được dùng với dùng với tần số cao căn cứ, quyết định, trách nhiệm, hiệu lực…  - Kiểu câu: mỗi dòng thường là một thành phần, một vế của câu cú pháp, được tách để nhấn mạnh  **II. Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính**  **1. Tính khuôn mẫu**  Thể hiện trong kết cấu thống nhất  - Phần đầu: gồm các thành phần:  Quốc danh, tiêu ngữ  Tên cơ quan, tổ chức ra văn bản, số hiệu  - Tên văn bản  - Nơi, người thụ lí văn bản  b, Phần chính: nội dung văn bản  c, Phần kết: địa điểm  - Thời gian thực hiện văn bản, chữ kí (đóng dấu) người thực hiện văn bản, nơi nhận (cơ quan có thẩm quyền)  **2. Tính chính xác**  Văn bản hành chính được viết ra để xử lí, thực thi, do đó đòi hỏi phải chính xác tuyệt đối  - Không dùng từ đa nghĩa, số liệu cụ thể, rõ ràng, lời khai chứng thực, chính xác từng dấu chấm, dấu phẩy  - Không sửa chữa, tẩy xóa  Văn bản dài phân chia thành các chương mục,điều khoản ngắn gọn, rõ ràng.  **3. Tính công vụ**  Không dùng từ ngữ có tính biểu cảm, nếu thì chỉ manh tính ước lệ  Sử dụng lớp từ toàn dân, tránh dùng từ địa phương, khẩu ngữ  **Luyện tập**  **Bài 1 (trang 172 sgk ngữ văn 12 tập 2)**  Các loại văn bản hành chính thường gặp: biên bản họp lớp, đơn xin nghỉ học, đơn xin miễn giảm, đơn xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, giấy chứng nhận, sơ yếu lí lịch,bằng tốt nghiệp, giấy khai sinh, học bạ…  **Bài 2 (trang 172 sgk ngữ văn 12 tập 2)**  Văn bản là Quyết định của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT về việc ban hành chương trình THCS. Đặc điểm chính là:      + Trình bày, kết cấu: văn bản được trình bày theo khuôn mẫu      + Phần đầu: tiết mục của văn bản      + Phần cuối: các thủ tục cần thiết (thời gian, địa điểm, chữ kí…)  - Từ ngữ: sử dụng từ ngữ mang sắc thái trung tính  - Câu văn: kết cấu văn hành chính (căn cứ… quyết định) Mỗi ý quan trọng được tách xuống dòng, viết hoa đầu dòng  **Bài 3 (trang 172 sgk ngữ văn 12 tập 2):** Biên bản cuộc họp       Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam       Độc lập - tự do- hạnh phúc       BIÊN BẢN HỌP  Thời gian bắt đầu  Địa điểm  Thành phần cuộc họp:……………………………………………………………  Chủ trì cuộc họp:  Thư kí:  Nội dung cuộc họp: ……………………………………………………………….  Cuộc họp kết thúc lúc: ...Giờ…. Ngày…. Tháng….Năm…..  Thư kí                 Chủ tọa  (Chữ kí)                  Chữ kí và dấu (nếu có) | HS xem VB ở SGK Ngữ Văn tập 2 |
| **TIẾT 4**  **(Lớp tự nhiên và xã hội)** | Ôn tập các Phương thức biểu đạt (Lí thuyết) | Trong quá trình học môn Ngữ văn, các bạn học sinh sẽ được làm quen với các phương thức biểu đạt trong văn bản. Vậy **phương thức biểu đạt** là gì? Có những**phương thức biểu đạt**nào? Cùng tham khảo qua bài viết dưới đây các bạn nhé! **I. Khái niệm** Phương thức biểu đạt trong văn bản là cách mà người viết truyền tải những thông điệp đến với người đọc, thể hiện những tâm tư, những suy nghĩ, tình cảm của chính người viết đối với đối tượng đang đọc tác phẩm của mình. **II. Phân loại**    Có 6 loại phương thức biểu đạt như sau:  - Tự sự  - Miêu tả  - Thuyết minh  - Biểu cảm  - Nghị luận  - Hành chính - công vụ  **1. Phương thức biểu đạt tự sự**  - Là việc người viết sử dụng ngôn ngữ để kể một câu chuyện theo từng diễn biến, trình tự, hoặc kể lại một chuỗi những câu chuyện có liên quan đến nhau nhằm khơi gợi một vấn đề, một nhân vật... có ý nghĩa đối với người đọc. Văn tự sự không chỉ tập trung vào việc kể mà còn thể hiện những khía cạnh, những góc khuất của cuộc sống, của con người mà mỗi chúng ta đều có thể thấy chính mình ở đó.  - Loại văn bản thường xuất hiện phương thức biểu đạt tự sự: tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện ngụ ngôn, truyện cổ tích  **2. Phương thức biểu đạt miêu tả**  - Là việc sử dụng những từ ngữ, hình ảnh để giúp người đọc liên tưởng ra được sự vật, hiện tượng đang xảy ra hoặc được nói đến một cách chân thực, cụ thể và sinh động nhất. Hay là việc miêu tả để người đọc hình dung được thế giới nội tâm phong phú của nhân vật, của con người.  - Loại văn bản thường xuất hiện phương thức biểu đạt miêu tả: Thơ, bút kí, văn tả người, tả cảnh...  **3. Phương thức biểu đạt biểu cảm**  -  Đây là một phương thức được thấy tương đối nhiều, bởi việc bộc lộ những cảm xúc, những tâm tư, nguyện vọng là một nhu cầu thiết yếu của con người trong cuộc sống. Phương thức biểu cảm là việc dùng những từ ngữ thể hiện thái độ, cảm xúc, tình cảm... của người viết về những sự việc được nói đến, những nhân vật trong tác phẩm hay là cảm xúc của người viết về chính mình...  - Loại văn bản thường xuất hiện phương thức biểu đạt biểu cảm: có hầu hết trong các loại văn bản: truyện, thơ, vè,...  **4. Phương thức biểu đạt thuyết minh**  - Là cung cấp cho người đọc những tri thức về sự vật, địa điểm, nhân vật lịch sử... là các kiến thức hàn lâm hoặc khoa học mà con người chưa biết. Từ đó làm tăng, mở rộng vốn hiểu biết của con người về những sự vật, hiện tượng đó.  - Loại văn bản thường xuất hiện phương thức biểu đạt thuyết minh: văn thuyết minh về con vật, đồ vật, thuyết minh về di tích lịch sử, địa điểm du lịch, thuyết minh về một nhân vật lịch sử hay một vấn đề khoa học...  **5. Phương thức biểu đạt nghị luận**  - Là việc dùng những dẫn chứng, luận điểm, luận cứ để người viết bộc lộ quan điểm cá nhân, dẫn dắt người đọc theo quan điểm, đồng tình với quan điểm của mình.  - Loại văn bản thường xuất hiện phương thức biểu đạt nghị luận: văn nghị luận về một hiện tượng đời sống, nghị luận về một tư tưởng đạo lí...  **6. Phương thức biểu đạt hành chính - công vụ**  - Là phương thức dùng để giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, hay giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan hoặc giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí  - Loại văn bản thường xuất hiện phương thức biểu đạt hành chính - công vụ: Các nghị định của nhà nước, thông tư được ban hành, văn bản báo cáo trong các công ty, các hợp đồng thuê, mua bán, sở hữu...  phương thức biểu đạt | HS đọc hiểu |
| **TIẾT 5**  **(Dành riêng cho lớp Xã hội. Các bạn lớp Tự nhiên nên dành thời gian để làm thêm BT này)** | Ôn BT Đọc hiểu | **I.ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)**  Đọc đoạn trích dưới đây:  *Bạn nói những gì, làm điều gì, cảm thấy như thế nào - tất cả đều có nguồn gốc từ trong tâm trí bạn, và bắt đầu chỉ bằng một ý nghĩ.*  *Suy nghĩ của chúng ta cũng giống như những hạt giống, mỗi suy nghĩ sẽ đơm hoa kết trái để tạo ra một hương vị riêng biệt. Suy nghĩ có thể là sự sáng tạo hay phá hủy, yêu thương hay thù hận, nâng đỡ hay vùi dập. Khi chúng ta hiểu và học cách kiểm soát những ý nghĩ của bản thân thì chúng ta sẽ trải nghiệm được sự bình an, niềm hạnh phúc và sự vững vàng trong tâm hồn. Suy nghĩ tích cực dạy chúng ta cách hành động thay vì phản ứng; "hướng dẫn" cuộc đời ta thay vì để cho hành vi của người khác, những trải nghiệm quá khứ, hay hoàn cảnh hiện tại điều khiển tinh thần của ta.*  *Bạn đã bao giờ dừng lại để quan sát những hình ảnh đang hiện diện trong tâm trí bạn cũng như những suy nghĩ mà bạn tạo ra? Theo tính toán, mỗi người trung bình có khoảng 30.000 - 50.000 ý nghĩ mỗi ngày. Một tâm trí đang trong tình trạng stress sẽ tạo ra nhiều suy nghĩ hơn, có thể lên đến 80.000 suy nghĩ. Hẳn bạn đã từng rơi vào trạng thái căng thẳng thần kinh vì gặp phải một sự kiện đột ngột xảy ra trong đời, lúc ấy có đến hàng ngàn ý nghĩ chạy dồn dập trong đầu bạn.*  *Tâm trí chúng ta có một khả năng rất lớn, làm việc không ngừng nghỉ ngay cả khi ngủ. Như đã nói, suy nghĩ chính là hạt giống cho những hành động và cảm xúc. Vì vậy, bằng cách tạo nên những suy nghĩ tích cực và lành mạnh, chúng ta đã kích hoạt tiềm năng tích cực của chính mình*. (Frederic Labarthe, Anthony Strano - Tư duy tích cực, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, 2014)  **Thực hiện các yêu cầu:**  **Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của VB**  **Câu 2.** Anh/Chị hãy chỉ ra giá trị của việc suy nghĩ tích cực được tác giải đề cập ở trong đoạn trích.  **Câu 3.** Anh/chị hiểu ý kiến *bằng cách tạo nên những suy nghĩ tích cực và lành mạnh, chúng ta đã kích hoạt tiềm năng tích cực của chính mình* như thế nào?  **Câu 4.** Những số liệu được đề cập trong đoạn trích *Theo tính toán, mỗi người trung bình có khoảng 30.000 - 50.000 ý nghĩ mỗi ngày. Một tâm trí đang trong tình trạng stress sẽ tạo ra nhiều suy nghĩ hơn, có thể lên đến 80.000 suy nghĩ.* gợi cho anh/ chị suy nghĩ gì?  **Câu 5.** Anh/Chị có đồng ý với quan điểm *Suy nghĩ có thể là sự sáng tạo hay phá hủy, yêu thương hay thù hận, nâng đỡ hay vùi dập* không? Vì sao?  **II. LÀM VĂN (6.0 điểm)**  **Câu 1 (2,0 điểm)**  Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về giá trị của những *suy nghĩ tích cực*. | **HS làm BT này vào tập** |